

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 15 - 9 - 2020

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N TỈNH THANH HOÁ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Thanh Tân

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Đức Hoàn

Ông Bùi Trung Thành

- Thư ký phiên toà: Ông Lê Văn Thịnh - Thư ký Toà án nhân dân huyện N, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên toà: Bà Hoàng Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện N, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 124/2020/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2020 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Hà Thị H; sinh năm: 1987; nơi cư trú: Làng Đ, xã ĐT, huyện N, tỉnh Thanh Hoá.

- *Bị đơn:* Anh Trương Công H; sinh năm: 1980; nơi cư trú: Làng Đ, xã ĐT, huyện N, tỉnh Thanh Hoá.

Tại phiên toà vắng mặt chị H, anh H. Chị H, anh H đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 27/5/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Hà Thị H trình bày: Chị và anh Trương Công H kết hôn tự nguyện, đã tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục địa phương từ năm 2005, nhưng mãi đến ngày 22/6/2009 mới đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) xã ĐT, huyện N, tỉnh Thanh Hoá. Sau ngày cưới, cuộc sống vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc được 01 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do

tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm. Ngoài ra, anh H còn hay đánh đập chị. Hai bên gia đình đã khuyên giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Vợ chồng chị đã sống ly thân từ tháng 08/2018 cho đến nay, không ai quan tâm tới ai. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên chị yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh H.

Về con cái: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Trương Thị K, sinh ngày 09/3/2006. Hiện cháu đang ở với chị. Nếu ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu K, yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 500.000đ (Năm trăm ngàn đồng). Thời gian cấp dưỡng từ nay cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi.

Về tài sản: Chị H không yêu cầu Toà án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Trương Công H trình bày: Về ngày kết hôn, nơi đăng ký kết hôn đúng như nguyên đơn trình bày. Sau ngày cưới, cuộc sống vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc được 01 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm. Hai bên gia đình đã khuyên giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Vợ chồng anh đã sống ly thân từ tháng 08/2018 cho đến nay, không ai quan tâm tới ai. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh đồng ý ly hôn với chị H.

Về con cái: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Trương Thị K, sinh ngày 09/3/2006. Nếu ly hôn, anh giao cháu K cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 500.000đ (Năm trăm ngàn đồng). Thời gian cấp dưỡng từ nay cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi.

Về tài sản: Anh H không yêu cầu Toà án giải quyết.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX), Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS); chị H đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật, anh H không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 56; 57; 58; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: Xử cho chị Hà Thị H được ly hôn anh Trương Công H. Giao cháu Trương Thị K, sinh ngày 09/3/2006 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh H cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 500.000đ (Năm trăm ngàn đồng). Thời gian cấp dưỡng từ tháng 09/2020 cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng:

Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự nhưng anh Trương Công H không có

mặt nên Tòa án đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho anh H theo quy định tại khoản 3 điều 210 BLTTDS.

Anh H đã được triệu tập họp lệ đến phiên hoà giải hai lần nhưng anh H đều không đến để tham gia hoà giải nên Tòa án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 điều 207 BLTTDS.

Chị H, anh H đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ quy định tại khoản 1 điều 227, khoản 1 điều 228 BLTTDS, Tòa án xét xử vắng mặt chị H, anh H.

[2] Về hôn nhân: Chị Hà Thị H và anh Trương Công H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 22/6/2009 tại UBND xã ĐT, huyện N, tỉnh Thanh Hoá và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, là hôn nhân hợp pháp. Trong cuộc sống hôn nhân, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 08/2018 cho đến nay, không ai quan tâm tới ai. Chị H và anh H đều có nguyện vọng muốn được ly hôn. Điều đó chứng tỏ chị H, anh H đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nghĩ nên căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị H được ly hôn anh H.

[3] Về con cái: Chị H và anh H có 01 con chung. Chị H và anh H đều có nguyện vọng giao cháu K cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, hiện tại cháu đang ở với chị H. Cháu có nguyện vọng muốn được ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn. Để không bị xáo trộn cuộc sống và đảm bảo sự phát triển ổn định về mọi mặt cho cháu, cũng như theo nguyện vọng của cháu, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của chị H và anh H, giao cháu K cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh H cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 500.000đ (Năm trăm ngàn đồng). Thời gian cấp dưỡng từ tháng 09/2020 cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi.

[4] Về tài sản: Chị H, anh H không yêu cầu nên miễn xét.

[5] Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn theo quy định của pháp luật.

Anh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82; 83; 107; 110 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147; 227; 228; 271; 273; 482 BLTTDS; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Hà Thị H được ly hôn anh Trương Công H.

2. Về con cái: Giao cháu Trương Thị K, sinh ngày 09/3/2006 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh H cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 500.000đ (Năm trăm ngàn đồng). Thời gian cấp dưỡng từ tháng 09/2020 cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi.

Anh H có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Từ khi chị H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chưa thi hành án khoản tiền cấp dưỡng nuôi con, hàng tháng anh H còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357; khoản 2 Điều 468 BLDS trên số tiền phải thi hành án, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về án phí: Chị Hà Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền chị đã nộp tạm ứng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, theo H lai số AA/2019/0011819 ngày 04/6/2020. Chị H đã nộp đủ tiền án phí.

Anh Trương Công H phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt chị H, anh H. Chị H, anh H có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Khoản tiền cấp dưỡng nuôi con được thi hành ngay, mặc dù bản án có thể bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã ĐT;
- Chi cục THADS huyện;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Tân

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Đức Hoàn

Bùi Trung Thành

Nguyễn Thanh Tân